TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **123**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2023.
V/v tranh chấp ly hôn
giữa bà T và ông Đ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Quang

2. Ông Đào Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B *tham gia phiên toà:* Ông Phan Hoàng Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 132/2023/QĐXXST -HN ngày 21 tháng 08 năm 2023 và Quyết Đ hoãn phiên tòa số 105/2023/QĐST- DS ngày 01 tháng 10 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1977 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1 G, xã B, huyện B, tỉnh E.

Bị đơn: Ông Đào Quốc Đ, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 1 G, xã B, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn đề ngày 30/3/2023, bản tự khai ngày 21/6/2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày:

Bà và ông Đ cưới nhau vào năm 1994 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thới vào ngày 30/6/1997. Quá trình chung

sống có hạnh phúc, đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, bà và ông Đ thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đ.

Về con chung: có 02 con chung tên Đào Quốc Đ1, sinh ngày 29/6/1997 và Đào Quốc T1, sinh ngày 15/9/2014. Cháu Đào Quốc Đạt đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, cháu Đào Quốc Tiến đang sống chung với bà T. Sau ly hôn bà T yêu cầu nuôi con, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Bà T khai không có.

* Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến lần thứ hai cho bị đơn ông Đào Quốc Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Đào Quốc Đ.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:*

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy Đ của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên thẩm phán còn vi phạm thời hạn tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy Đ của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đào Quốc Đ vắng mặt không có lý do vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy Đ tại Điều 72,73 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên các vi phạm trên không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên đề nghị khắc phục.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Xuân T đối với ông Đào Quốc Đ.

Về con chung: bà Nguyễn Thị Xuân T được tiếp tục nuôi con chung tên Đào Quốc T1, sinh ngày 15/9/2014.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Xuân T tự nguyện không yêu cầu ông Đào Quốc Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà T khai không có nên không xem xét.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên. HĐXX nhận Đ:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B. Bà Nguyễn Thị Xuân T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đào Quốc Đ triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Đào Quốc Đ kết hôn vào năm 1994, được Ủy ban nhân dân xã Bình Thới cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 30/6/1997 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa ông Đvà bà T thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cãi nhau, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Tòa án đã tống đạt đến lần thứ hai nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy ông Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Đào Quốc Đ là phù hợp Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Đào Quốc Đ1, sinh ngày 29/6/1997 và Đào Quốc T2, sinh ngày 15/9/2014. Xét thấy, cháu Đào Quốc Đ1, sinh ngày 29/6/1997 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xét đến. Đối với con chung Đào Quốc T2 , xét thấy từ khi ly thân cho đến nay con chung Đào Quốc T2 sống với bà T, đồng thời cháu T2 có nguyện vọng sống chung với bà T nên để đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung, cần giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận bà T nuôi con không có yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: bà T khai không có nên không xét đến.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận Đ của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí là 300.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0004857 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

Căn cứ các Điều 56, 51, 81, 82, 83, 84 và 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Xuân T đối với ông Đào Quốc Đ.

Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Đào Quốc Đ chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 02 con chung Đào Quốc Đ1, sinh ngày 29/6/1997 và Đào Quốc T2, sinh ngày 15/9/2014.

Bà Nguyễn Thị Xuân T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Đào Quốc T2, sinh ngày 15/9/2014. Điều này là phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi.

Con chung Đào Quốc Đ1 đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu ông Đào Quốc Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đào Quốc Đ không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Bà Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy Đ tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết Đ việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết Đ việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Xuân T khai không có nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Xuân T khai không có nên không xét đến.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng nhưng dược khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0004857 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E. Bà Nguyễn Thị Xuân T đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Xuân T, ông Đào Quốc Đ vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh E;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA huyện B;
- UBND xã B.
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Thu Hương